

Bản án số: 201/2018/HNGĐ-ST

Ngày 31-8-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 374/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 284/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Hồng T, sinh năm 1968

Cư trú tại: Ấp Rạch L, xã P, huyện P, tỉnh C

- Bị đơn: Ông Ngô Văn N, sinh năm 1967

Cư trú tại: Khóm 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Phạm Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Ngô Hoàng N kết hôn vào năm 1990, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm, do bất đồng quan điểm nên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Khi bà mang thai ông N không quan tâm chăm sóc, bà về nhà mẹ ruột sống đến khi sinh con. Từ khi sinh con đến nay vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay bà xét thấy không còn tình cảm với ông N. Do đó bà yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà với ông N.

Về nuôi con chung: Tên Lê Bé L, sinh năm 1991, hiện nay cháu đã trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 03/8/2018 bị đơn ông Ngô Hoàng N trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian kết hôn, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn đúng như bà Thu trình bày. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà

Về nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản và nợ chung: Bà Thu và ông Nhiệm xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Ông Ngô Hoàng N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng, ông N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] *Về hôn nhân:* Bà Phạm Hồng T và ông Ngô Hoàng N kết hôn vào năm 1990, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn, nên quan hệ hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và không còn chung sống cùng nhau, mỗi người có cuộc sống riêng từ năm 1991 đến nay. Tại phiên tòa bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà với ông N. Do bà T và ông N không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, không công nhận bà T và ông N là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con chung:* Tên Lê Bé L, sinh năm 1991, hiện nay cháu đã trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về chia tài sản và nợ chung:* Bà và ông N xác định không có.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm:* Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Hồng T và ông Ngô Hoàng N.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010194 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Bà T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Giang Nam